

**ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ 12 – CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2021 – 2022**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Củng cố lại kiến thức trong chương trình giữa học kì I gồm các bài: 1-> 18 (mục I, II, III).

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong quá trình ôn tập, làm bài kiểm tra.

3. Năng lực

- Năng lực chung: Tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề sáng tạo; ngôn ngữ .

- Năng lực chuyên biệt bộ môn lịch sử:

+ Tìm hiểu lịch sử.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

II. ĐỀ CƯƠNG

1. Hướng dẫn đề cương theo bài

1	Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)	Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)	Nhận biết: - Nêu được những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2/1945) và thỏa thuận của ba cường quốc. - Nêu được sự thành lập, mục đích và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc. Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta. - Hiểu được vai trò, thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Vận dụng - Phân tích được tác động từ những quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận của ba cường quốc đối với tình hình thế giới từ sau năm 1945. Vận dụng cao: - Liên hệ, việc vận dụng (được) các nguyên tắc của Liên hợp quốc trong việc giải quyết vấn đề hòa bình, an ninh thế giới; bảo vệ chủ quyền biên giới, biển và hải đảo của nước ta hiện nay. - Rút ra (được) những đóng góp của Liên hợp quốc từ sau khi thành lập đến nay.
2	Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000)	Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000)	Nhận biết: - Nêu (được) những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 (XX)). - Nêu (được) những nét chính về các mặt: kinh tế, chính trị, chính sách đối ngoại, vị trí của Liên bang Nga (1991 - 2000) trên trường quốc tế. Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân đạt được những thành tựu trong quá trình khôi phục kinh tế (1945 - 1950) và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên Xô (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70). Vận dụng: - Phân tích (được) nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Vận dụng cao: - Rút ra được ý nghĩa những thành tựu của nhân dân Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70). - Rút ra được bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

3	Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh (1945 - 2000)	Bài 3. Các nước Đông Bắc Á.	Nhận biết: - Biết được những nét chung về các nước khu vực Đông Bắc sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Trình bày được sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; nội dung đường lối cải cách và thành tựu chính từ sau năm 1978. Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Vận dụng: - Phân tích được những biến đổi của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa những thành tựu trong công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. - Rút ra được bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.
		Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.	Nhận biết: - Trình bày được quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai; các giai đoạn chính của cách mạng Lào (1945 - 1975) và Cam-pu-chia (1945 - 1993); - Nêu được những thành tựu và khó khăn khi thực hiện chiến lược phát triển kinh tế hướng nội, hướng ngoại của nhóm các nước sáng lập ASEAN. - Trình bày được sự thành lập, mục tiêu và quá trình phát triển, số lượng các nước thành viên của tổ chức ASEAN. - Nêu được những sự kiện chính về quá trình đấu tranh giành độc lập và thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước ở Ấn Độ từ sau năm 1945. Thông hiểu: - Lập (được) bảng thống kê sự kiện các nước giành độc lập. - Hiểu (giải thích) được ý nghĩa những mốc chính trong quá trình phát triển của tổ chức ASEAN. Vận dụng: - Khái quát được những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được đặc điểm các giai đoạn phát triển của tổ chức ASEAN. Vận dụng cao: - Rút ra được bài học từ những thành tựu phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. - Liên hệ được mối quan hệ của Việt Nam với các nước thành viên ASEAN.
		Bài 5. Các nước châu Phi và Mĩ Latinh.	Nhận biết: - Trình bày được sự kiện chính trong cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước châu Phi và Mĩ La-tinh. Thông hiểu: - Nêu được ý nghĩa những thắng lợi lớn trong phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Phi và Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

			Vận dụng cao: - Rút ra được ý nghĩa lịch sử của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. - So sánh được đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh.
4	Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000)	Bài 6. Nước Mỹ	Nhận biết: - Nêu được tình kinh tế, khoa học – kỹ thuật và chính sách đối ngoại của Mỹ những năm 1945 - 1973; 1973 - 1991; 1991 – nay. Thông hiểu: - Hiểu (giải thích) được những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Mỹ.
		Bài 7. Tây Âu	Nhận biết: - Nêu được các vấn đề chủ yếu về sự phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật và chính sách đối ngoại Tây Âu qua các giai đoạn 1945- 1950, 1950 - 1973, 1973 - 1991, 1991 - nay. - Biết (nêu/trình bày) được quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU). Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Tây Âu.
		Bài 8. Nhật Bản.	Nhận biết: - Nêu được các vấn đề chủ yếu: Sự phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật; Chính sách đối ngoại của Nhật Bản qua các thời kì 1945 – 1952, 1952 – 1973, 1973 – 1991, 1991 – 2000. Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản. Vận dụng: - Khái quát được đặc điểm về kinh tế, chính sách đối ngoại của Mỹ, Tây Âu, Nhật bản trong từng giai đoạn phát triển. - So sánh (được) nguyên nhân phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản. Vận dụng cao: - Phân tích được điểm tương đồng về vai trò, vị trí kinh tế của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản. - Rút ra được điểm tương đồng và đánh giá sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản và Tây Âu qua các thời kì.
5	Quan hệ quốc tế (1945 - 2000)	Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh.	Nhận biết: - Trình bày được mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của “chiến tranh lạnh”: Nội dung cơ bản của Học thuyết Tru-man; Sự hình thành khối quân sự NATO và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. - Trình bày được những sự kiện biểu hiện xu thế hoà hoãn tiến tới chấm dứt “chiến tranh lạnh”; - Trình bày được sự kiện Mỹ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. Thông hiểu: - Giải thích được hậu quả của việc thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

			- Hiểu (giải thích) được nguyên nhân Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. Vận dụng: - Phân tích được đặc điểm của quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991: là thời kì căng thẳng giữa hai phe, hai khối, đứng đầu là Mĩ và Liên Xô. - Phân tích được đặc điểm trong quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay là: hoà hoãn, đa cực, lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm, xung đột khu vực.
6	Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa	Bài 10. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX	Nhận biết: - Nêu (được) nguồn gốc, đặc điểm của cách mạng khoa học – công nghệ. - Nêu được bản chất và những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa. Thông hiểu: - Hiểu được đặc điểm của nổi bật của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ. Vận dụng: - Phân tích được tác động tích cực và những vấn đề nảy sinh do (từ cuộc) cách mạng khoa học – kĩ thuật. - Phân tích được mặt tích cực và tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa. Vận dụng cao: Liên hệ, vận dụng được toàn cầu hóa vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển.
7	Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930	Bài 12: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925 Bài 13: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930	Nhận biết: - Trình bày được chính sách tăng cường khai thác Việt Nam của thực dân Pháp trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai về các ngành: nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, thuế...; - Trình bày được hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1919 – 1925. Thông hiểu: - Hiểu được những chuyển biến mới về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp. Từ đó rút ra mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam lúc này là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và bọn phản động tay sai. Vận dụng: - Phân tích được khả năng cách mạng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Vận dụng cao: - Nhận xét được tác động các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam. - Nhận xét được tính chất và đặc điểm của các phong trào yêu nước của tư sản và tiểu tư sản trong thời kì này. Nhận biết: - Trình bày được sự ra đời, chủ trương, hoạt động của các tổ chức cách mạng: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Việt Nam Quốc dân đảng. - Trình bày được hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, hội nghị thành lập Đảng. - Trình bày được nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

			Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản năm 1929: Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn. Từ đó thấy được sự lớn mạnh của xu hướng cứu nước theo con đường cách mạng vô sản. Vận dụng: - Phân tích được nguyên nhân thất bại của khởi nghĩa Yên Bái và Việt Nam Quốc dân đảng. - Phân tích (được) nội dung của Cương lĩnh chính trị đầu tiên; ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam: bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. - Phân tích được tính đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Vận dụng cao: - Đánh giá được vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng: vận động thành lập, chủ trì việc thống nhất các tổ chức cộng sản, soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
8	Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945	Bài 14: Phong trào cách mạng 1930 - 1935	Nhận biết: - Trình bày được những nét chính về ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) nói chung và sự khủng hoảng của Pháp nói riêng tới tình hình kinh tế Việt Nam và sự tác động của tình hình kinh tế tới đời sống xã hội Việt Nam: đời sống của mọi tầng lớp nhân dân đều sa sút. - Trình bày được diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh (làm chủ chính quyền, các chính sách tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hoá). - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931. - Trình bày được diễn biến chính của Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 - 1930); những điểm chính của Luận cương (10 - 1930): chiến lược, sách lược, động lực và tổ chức lãnh đạo cách mạng, hình thức và phương pháp đấu tranh. Thông hiểu: - Hiểu được tính đúng đắn của Luận cương và một số điểm hạn chế: về mâu thuẫn chính trong xã hội, động lực cách mạng. - Lí giải được vì sao Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 và nhận xét được những điểm mới của chính quyền Xô viết. Vận dụng: - Phân tích được điểm mới của phong trào cách mạng 1930 – 1931 so với phong trào dân tộc dân chủ giai đoạn 1919 – 1930. - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa Luận cương chính trị và Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Vận dụng cao: - Nhận xét được tác động, ảnh hưởng của tình hình thế giới đến cách mạng Việt Nam.
		Bài 15: Phong trào	Nhận biết:

		dân chủ 1936 - 1939	- Nêu được bối cảnh Việt Nam trong những năm 1936 - 1939: chủ trương chống phát xít của Quốc tế Cộng sản, sự ra đời của Mặt trận nhân dân Pháp và các hoạt động tác động đến Việt Nam; tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. - Nêu được những điểm chính trong chủ trương của Đảng và những phong trào tiêu biểu: Đông Dương đại hội, đòi tự do, dân sinh, dân chủ. Một số kết quả và kinh nghiệm đấu tranh công khai, hợp pháp. - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939. Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi chủ trương của Đảng so với giai đoạn trước. Vận dụng: - Phân tích được ý nghĩa của phong trào dân chủ 1936 – 1939. - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa phong trào dân chủ 1936 – 1939 với phong trào cách mạng 1930 – 1931. Vận dụng cao: - Nhận xét được mối quan hệ giữa cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.
		Bài 16: Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945 và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời	Nhận biết: - Trình bày được một số điểm nổi bật trong bối cảnh Việt Nam những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) về chính trị, kinh tế - xã hội. - Trình bày được nội dung chuyển hướng đấu tranh được đề ra trong Hội nghị tháng 11/1939 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. - Trình bày được những sự kiện chủ yếu của công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền: nội dung chủ yếu của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5/1941; công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng. - Trình bày được những nét chính của giai đoạn khởi nghĩa từng phần: Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945); chỉ thị của Đảng: “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, phong trào phá kho thóc của Nhật, thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, thành lập Việt Nam giải phóng quân, lập Khu giải phóng Việt Bắc... - Trình bày (được) khái quát cuộc tổng khởi nghĩa của nhân dân trong cả nước, trình bày diễn biến chính cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn; nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập (2 - 9 - 1945). Thông hiểu - Hiểu được hầu hết các giai cấp và tầng lớp đều bị ảnh hưởng bởi những chính sách của Pháp – Nhật trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945). - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi chủ trương của Đảng trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 11/1939, tháng 5/1941. - Giải thích được nguyên nhân Đảng phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước. - Hiểu được vì sao thời cơ Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được gọi là thời cơ “chín mươi”

			và “ngàn năm có một”. Vận dụng: - So sánh được chủ trương đề ra trong Hội nghị tháng 11/1939 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng với giai đoạn trước. - Nhận xét được ý nghĩa của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5/1941. - Phân tích được sự sáng suốt của Đảng trong việc chớp thời cơ phát động tổng khởi nghĩa. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vận dụng cao: - Từ nghệ thuật “chớp thời cơ” Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, rút ra được bài học cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
9	Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954	Bài 17: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946	Nhận biết: - Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn: bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. - Trình bày được những diễn biến chính của công cuộc chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng: chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở miền Nam; đấu tranh với Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc; hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta. Thông hiểu: - Hiểu được tình hình nước ta trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. - Hiểu (giải thích) được ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. - Lí giải được nguyên nhân Đảng, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương “mềm dẻo về sách lược, cứng rắn về nguyên tắc” trong việc giải quyết mối quan hệ với Pháp và Trung Hoa Dân quốc. Vận dụng: - Phân tích được chủ trương của Đảng, Chính phủ trong công cuộc chống ngoại xâm, nội phản. - Phân tích được ý nghĩa những biện pháp chống ngoại xâm, nội phản của Đảng, Chính phủ. Vận dụng cao: - Rút ra được bài học cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
		Bài 18: Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)	Nhận biết: - Trình bày được cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Thủ đô Hà Nội và các đô thị từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc. - Trình bày (được) diễn biến, kết quả của chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947. Thông hiểu: - Hiểu (giải thích) được hoàn cảnh dẫn đến việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng

			chiến. Vận dụng: - Phân tích được đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng. - Phân tích được ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947.
--	--	--	---

2. Đề minh họa

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (28 câu – 7,0 điểm)

Câu 1: Theo thỏa thuận giữa các cường quốc Đồng minh tại Hội nghị Ianta (2-1945), quân đội nước nào sau đây chiếm đóng Đông Đức, Đông Beclin và các nước Đông Âu?

- A. Liên Xô.
- B. Mỹ.
- C. Anh.
- D. Pháp.

Câu 2: Quốc gia nào sau đây mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?

- A. Liên Xô.
- B. Mỹ.
- C. Trung Quốc.
- D. Nhật Bản.

Câu 3: Quốc gia nào sau đây là một trong những nước sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Thái Lan.
- B. Trung Quốc.
- C. Campuchia.
- D. Mianma.

Câu 4: Nội dung nào sau đây là yếu tố thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Mỹ trong giai đoạn 1945 - 1973?

- A. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào.
- B. Chi phí cho quốc phòng thấp nên có điều kiện tập trung đầu tư phát triển kinh tế.
- C. Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ của Cộng đồng châu Âu (EC).
- D. Tận dụng tốt nguồn viện trợ từ bên ngoài và các cuộc chiến tranh để làm giàu.

Câu 5: Liên minh chính trị - quân sự của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu được thành lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai là tổ chức nào sau đây?

- A. Tổ chức Hiệp ước Vácsava.
- B. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
- C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- D. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

Câu 6: Quốc gia nào sau đây khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại từ những năm 40 của thế kỉ XX?

- A. Mỹ.

- B. Nhật Bản.
- C. Anh.
- D. Liên Xô.

Câu 7: Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tờ báo nào sau đây?

- A. Thanh niên.
- B. Chuông rè.
- C. Người cùng khổ.
- D. Người nhà quê.

Câu 8: Năm 1923, lực lượng xã hội nào ở Việt Nam đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo tại Nam Kỳ của tư bản Pháp?

- A. Địa chủ và tư sản.
- B. Công nhân và nông dân.
- C. Địa chủ và nông dân.
- D. Tư sản và tiểu tư sản.

Câu 9: Trong phong trào cách mạng 1930 – 1931, Xô viết Nghệ - Tĩnh đã thực hiện chính sách nào sau đây?

- A. Mở lớp dạy chữ Quốc ngữ cho các tầng lớp nhân dân.
- B. Tổ chức phong trào Bình dân học vụ để xóa nạn mù chữ.
- C. Thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
- D. Tổ chức tổng tuyển cử tự do bầu chính quyền địa phương.

Câu 10: Nội dung nào sau đây là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương được xác định trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7 - 1936?

- A. Chống đế quốc và chống phong kiến.
- B. Chống phát xít, chống chiến tranh.
- C. Đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
- D. Giải phóng các dân tộc Đông Dương.

Câu 11: Những tỉnh nào giành được chính quyền sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

- A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- B. Hà Nội, Sài Gòn, Đồng Nai Thượng, Hà Tiên.
- C. Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Tiên, Quảng Ngãi.
- D. Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang.

Câu 12: Những địa phương giành chính quyền muộn nhất trong cả nước là

- A. Gia Định và Biên Hòa.
- B. Đồng Nai Thượng và Hà Tiên.
- C. Mỹ Tho và Hậu Giang.
- D. Vĩnh Long và An Giang.

Câu 13: Phong trào “Tuần lễ vàng” do Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát động là để giải quyết khó khăn nào sau đây trong hơn một năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Tài chính.
- B. Ngoại xâm.
- C. Nạn đói.
- D. Nạn đói.

Câu 14: Tình hình tài chính của nước ta sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám như thế nào?

- A. Ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng
- B. Nền tài chính quốc gia bước đầu được xây dựng
- C. Bị quân Trung Hoa Dân quốc thao túng, chi phối
- D. Lệ thuộc vào các ngân hàng của Pháp và Nhật

Câu 15: Tín hiệu tiến công đánh dấu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu là

- A. công nhân nhà máy điện Yên Phụ phá máy, Hà Nội mất điện.
- B. quân dân Hà Nội khiêng bàn ghế, hạ cây cối dựng chướng ngại vật.
- C. quân dân Hà Nội, Hải Phòng liên tiếp chống Pháp.
- D. Đảng ta ra lời kêu gọi nhân dân xuống đường kháng chiến chống Pháp.

Câu 16: khi thực dân Pháp mở chiến dịch tiến công lên Việt Bắc năm 1947, Trung ương Đảng ra chỉ thị

- A. Triển khai chiến lược đánh nhanh thắng nhanh.
- B. Chủ động rút lui về giữ thế phòng ngự chiến lược.
- C. Tổ chức phòng ngự kiên cường, tiến công dũng mãnh.
- D. “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của thực dân Pháp”.

Câu 17: Sự kiện nào sau đây đánh dấu Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội?

- A. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1-10-1949).
- B. Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối cải cách – mở cửa (12-1978).
- C. Trung Quốc thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông (1997) và Ma Cao (1999).
- D. Nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc kết thúc (1949).

Câu 18: Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh (1989)?

- A. Liên Xô tan rã, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ.
- B. Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài tốn kém làm hai nước suy giảm thế mạnh.
- C. Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu.
- D. Kinh tế Liên Xô đang lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

Câu 19: Mâu thuẫn nào sau đây là mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai.
- B. Toàn thể nhân dân ta với giai cấp địa chủ phong kiến.
- C. Giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.
- D. Giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.

Câu 20: Sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 chứng tỏ điều gì?

- A. Sự phát triển của khuynh hướng cứu nước theo con đường cách mạng vô sản.

- B. Phong trào công nhân Việt Nam đã hoàn toàn trở thành phong trào tự giác.
- C. Cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước ở Việt Nam đã được giải quyết.
- D. Giai cấp công nhân đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Câu 21: Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2/1930)?

- A. Chưa có một tổ chức lãnh đạo thống nhất.
- B. Thiếu sự ủng hộ của quần chúng nhân dân.
- C. Khởi nghĩa trong thế bị động.
- D. Thực dân Pháp còn mạnh.

Câu 22: Nội dung nào sau đây là căn cứ nào khẳng định Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931?

- A. Đây là hình thức chính quyền kiểu mới, của dân, do dân và vì dân.
- B. Đã làm lung lay tận gốc chế độ phong kiến ở nông thôn trên cả nước.
- C. Đã khẳng định quyền làm chủ của nông dân ở nông thôn trên cả nước.
- D. Làm cho hệ thống chính quyền của thực dân và phong kiến tan rã.

Câu 23: Yếu tố khách quan nào sau đây tác động đến chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 7/1936?

- A. Nghị quyết của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản.
- B. Phong trào cách mạng Việt Nam đã được phục hồi.
- C. Đời sống của đa số nhân dân Việt Nam còn khó khăn, cực khổ.
- D. Phát xít Nhật câu kết với thực dân Pháp cai trị Đông Dương.

Câu 24: Yếu tố nào sau đây là nguyên nhân dẫn đến nạn đói cuối năm 1944 – đầu năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Chính sách vơ vét, bóc lột của Pháp – Nhật.
- B. Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Chính sách cai trị, bóc lột của thực dân Pháp.
- D. Tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới.

Câu 25: Yếu tố nào sau đây tác động đến sự chuyển hướng đấu tranh của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11-1939?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
- B. Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.
- C. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- D. Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương.

Câu 26: Khó khăn nào sau đây đe dọa trực tiếp đến nền độc lập dân tộc sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Giặc ngoại xâm.
- B. Khó khăn tài chính.
- C. Nạn đói.
- D. Nạn đói.

Câu 27: Nguyên tắc quan trọng nhất của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) là

- A. phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

- B. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.
- C. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.
- D. không vi phạm chủ quyền dân tộc.

Câu 28: Sự kiện nào sau đây tác động đến việc Ban Thường vụ Trung ương Đảng phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược?

- A. Pháp gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu.
- B. Pháp đề ra và thực hiện Kế hoạch Đờ lát đơ Tátxinhi.
- C. Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ.
- D. Pháp tổ chức cuộc tấn công căn cứ địa Việt Bắc.

II. PHẦN TỰ LUẬN (02 câu – 3,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Lập bảng so sánh chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11-1939 với Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 7-1936 theo những nội dung sau: nhiệm vụ, phương pháp, lực lượng.

Câu 2 (1,0 điểm)

Thiện chí hòa bình của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm giải quyết quan hệ với Pháp bằng con đường hòa bình từ ngày 6/3/1946 đến trước ngày 19/12/1946 thể hiện như thế nào? Từ đó hãy rút ra bài học cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.